



NGƯỜI HOA TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

TS Châu Thị Hải*

Trong cuộc Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất được tổ chức tại Hà Nội vào mùa thu năm 1998, tôi đã có dịp đưa ra thảo luận vấn đề: *Diễn biến địa lý và lịch sử trong quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt – Hoa*. Tôi có dự định sẽ thảo luận những vấn đề tiếp theo như: *Người Hoa với quá trình hình thành và phát triển các đô thị thương mại ở Việt Nam; Người Hoa với các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, với quá trình đổi mới đất nước, đặc biệt trong xu thế hội nhập khu vực và thế giới hiện nay,...* tại cuộc Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ hai. Nhưng đáng tiếc là thời gian đó tôi chưa có cơ hội để tham gia.

Thực ra, những vấn đề này không phải là hoàn toàn mới, ở chừng mực nào đó chúng đã được đề cập đến trong một số công trình nghiên cứu của tôi và các nhà khoa học ở Việt Nam. Nhưng để nhận thức một cách đầy đủ về *đặc điểm của cộng đồng người Hoa qua các thời kỳ lịch sử Việt Nam; những đặc điểm đó bắt nguồn từ đâu; chúng có những biểu hiện tích cực và tiêu cực như thế nào đến sự phát triển của cộng đồng này nói riêng và của lịch sử Việt Nam nói chung; làm thế nào để hạn chế những biểu hiện tiêu cực và phát huy những yếu tố tích cực cho sự phát triển cộng đồng,...* cho đến nay thiết nghĩ vẫn cần tiếp tục đưa ra thảo luận. Tuy nhiên, trong phạm vi một bản báo cáo khoa học, tôi không thể trình bày một cách dàn trải tất cả những vấn đề đặt ra mà chỉ tập trung thảo luận *sự hiện diện của cộng đồng người Hoa và vai trò của họ trong lịch sử Việt Nam*. Do giới hạn số trang trong bản báo cáo khoa học, tôi chỉ trình bày tập trung vai trò của người Hoa trong thời kỳ hình thành và phát triển của các đô thị thương mại thời kỳ cổ, trung và cận đại Việt Nam và cũng chỉ tập trung vào những hoạt động kinh tế của họ. Thời kỳ từ khi Việt Nam thực hiện chính sách Đổi mới đến nay sẽ đưa ra thảo luận trong một dịp nào đó (mặc dù một số hoạt động của người Hoa trong thời kỳ này chúng tôi cũng đã công bố trong ít nhiều công trình nghiên cứu của mình).

* Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

Khác với nhiều thành phần dân tộc cư trú trên đất nước Việt Nam, cộng đồng người Hoa là một thành phần dân tộc “phi nguyên trú”, họ di cư từ các tỉnh phía Nam Trung Hoa sang. Có thể nói, do đặc điểm địa lý, so với các nước trong khu vực, người Hoa đến Việt Nam khá sớm. Theo nguồn thư tịch cổ Việt Nam, họ đến đây từ thế kỷ thứ III tr.CN. Không kể binh lính và các đội quân xâm lược, việc người Hoa di cư vào Việt Nam rồi định cư ở đây thường diễn ra phổ biến từ sau các cuộc nội chiến ở Trung Quốc. Đó là các thời kỳ cuối Đường – đầu Tống (960 – 1279); cuối Tống – đầu Nguyên (1279 – 1368); cuối Nguyên – đầu Minh (1368 – 1644); cuối Minh – đầu Thanh (1644 – 1911). Theo dòng lịch sử, cùng với sự biến động của lịch sử Trung Quốc, số lượng người Hoa đến Việt Nam ngày càng tăng dần. Họ cư trú khá tập trung ở những nơi có điều kiện buôn bán làm ăn, dần dần hình thành các khu “phố Khách” (Chinatowns). Tại Việt Nam, có bốn trung tâm thương mại nổi tiếng mà ở đó người Hoa đã đóng một vai trò trung tâm trong hoạt động thương mại. Đó là đô thị thương mại Vân Đồn thế kỷ XV, đô thị Phố Hiến thế kỷ XVI, đô thị Hội An thế kỷ XVII và Sài Gòn – Chợ Lớn thế kỷ XVIII, XIX. Trong đó, ở các đô thị Vân Đồn, Phố Hiến, Hội An, vai trò của người Hoa chỉ nổi lên trong một thời gian rồi suy yếu cùng với sự suy tàn của các đô thị này. Nhưng ở Sài Gòn – Chợ Lớn, vai trò hoạt động thương mại của người Hoa vẫn trường tồn theo năm tháng và ngày càng phát triển từ đô thị thương mại trong thế kỷ XVIII đến nay đã trở thành một thành phố thương mại sầm uất nhất của nước Việt Nam.

Trước hết, nói đến các đô thị thương mại ở Đàng Ngoài. Theo Ngô Thì Sĩ, ở Đàng Ngoài đến cuối thế kỷ XVII có khoảng 5, 6 vạn người Hoa ở rải rác ở nhiều nơi, nhưng tập trung nhiều thương nhân nhất lúc bấy giờ là hai trung tâm buôn bán: Kẻ Chợ (Thăng Long – Hà Nội ngày nay) và Phố Hiến (Hưng Yên). Trung tâm Kẻ Chợ là nơi tập trung hàng hoá từ các miền phục vụ cho các tầng lớp quan lại và người dân kinh thành. Còn Phố Hiến là trung tâm giao dịch hàng hoá quốc tế, vừa là nơi tập kết nhưng cũng vừa là nơi phân phối hàng hoá cho các vùng miền khác nhau. Cũng theo Ngô Thì Sĩ, ở Phố Hiến lúc bấy giờ có khoảng 2.000 nóc nhà phân bố ở 10 phường khác nhau, trong số đó nhà của người Hoa và người Nhật tập trung tại hai khu phố riêng biệt là “phố Khách” (phố người Hoa) và “phố người Nhật”¹. Họ làm chủ thị trường nội địa và tuyến hàng giao dịch giữa Phố Hiến và các đô thị trong nước; giữa Phố Hiến, các thuyền buôn Trung Quốc và các nước đến từ khu vực Đông Nam Á. Với vai trò này, các trung tâm buôn bán của người Hoa ở Phố Hiến trở thành các khu trung chuyển hàng hoá. Sách *Hoà – Hán** tam tài đô hội có ghi một số mặt hàng cụ thể từ Phố Hiến được xuất khẩu sang Nhật Bản do người Hoa đảm nhiệm. Đó là lụa, lĩnh, đũi, nhung, tơ, bông, xạ hương,... chưa kể đến lượng hàng hoá được xuất khẩu sang các nước Anh, Pháp, Hà Lan, Philippines, như trong tấm bia “Anh linh Vương” ở Phố Hiến có nhắc

* “Hoà” là Nhật Bản và “Hán” là Hoa.

đến, chắc chắn các mặt hàng từ bốn phương trong cả nước và có thể từ một số nước đã tụ hội về Phố Hiến thông qua vai trò của Hoa thương.

Trước và sau Phố Hiến một thời gian, ở Việt Nam còn có các đô thị hoạt động mà ở đó vai trò buôn bán của người Hoa cũng nổi lên khá rõ nét. Đó là cảng thị Vân Đồn, Vạn Ninh, Cần Hải và Hội An. Trước hết, nói đến cảng thị Hội An nằm bên bờ sông Thu Bồn, cách thành phố Đà Nẵng 25km về phía Nam và 8km từ biển vào. Hội An đã trở thành cảng khẩu và trung tâm thương mại lớn nhất của Việt Nam thời bấy giờ và là địa điểm trung chuyển hàng hoá quan trọng không chỉ của khu vực Đông Nam Á của Việt Nam mà còn là của cả khu vực Đông Nam Á.

Những thương gia Trung Quốc đến buôn bán và cùng với những dòng người di cư đến đây đã hình thành nên khu “phố Khách” sầm uất, cùng với khu “phố người Nhật” đã làm cho bộ mặt của Hội An trở thành một đô thị vừa mang tính thương mại vừa mang tính đô thị kiểu dân giống như đô thị Phố Hiến ở Đông Nam Á của Việt Nam. Họ đến đây từ đầu thế kỷ XVII nhưng đến giữa thế kỷ XVII – khi triều Minh bị quân đội Mãn Châu lật đổ, số người nhập cư tăng lên nhanh chóng làm cho số lượng người Hoa ở Hội An chiếm phần chủ yếu trong cơ cấu dân cư đô thị. Chúa Nguyễn đã cho họ cư trú trong từng khu riêng biệt gọi là Minh Hương xã (làng Minh Hương). Thế kỷ XVII, dân số Minh Hương khoảng 6.000 người. Khi nói đến người Hoa và người Nhật, nhà truyền giáo Ch. Borri đã viết: Người Hoa và người Nhật là những người buôn bán chính trong phiên chợ kéo dài 4 tháng hàng năm. Chúa Nguyễn ở Đông Nam Á đã cho phép họ xây dựng một thị trấn nơi họ đã chọn để cư trú. Thị trấn này gọi là Faifo, nó khá rộng và được chia thành hai khu phố riêng biệt của người Nhật và người Hoa. Họ có cơ quan quản lý riêng và sống theo phong tục tập quán riêng của mỗi nước. Sau khi Chính phủ Nhật Bản thi hành chính sách đóng cửa, dân số người Nhật giảm sút nhanh chóng, từ hàng ngàn gia đình chỉ còn lại 5 gia đình. Trong khi đó dân số người Hoa vẫn tiếp tục tăng lên, giao lưu buôn bán giữa Trung Quốc và Hội An hoặc giữa Trung Quốc và các nước qua vai trò trung chuyển của Hội An vẫn tiếp tục phát triển. Hàng hoá buôn bán của người Hoa ở đây khá đa dạng. Họ phân phối các loại hàng do các thuyền buôn từ Trung Quốc và các nước Xiêm, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Hà Lan... mang đến như đồng, tơ lụa, đồ sứ, thuốc chữa bệnh... và thu gom các loại sản phẩm như lụa, trầm hương, kỳ nam, quế, hồ tiêu, yến sào, xạ hương... đặc biệt là vàng để bán lại cho các chủ tàu từ các nước nói trên². Như vậy, người Hoa ở Hội An thực sự đã trở thành một lực lượng buôn bán chính và là một lực lượng môi giới quan trọng trong quá trình giao lưu thương mại giữa Việt Nam và các nước ngoài khu vực và trên thế giới. Không những thế, cùng với đặc trưng cư trú của mình, người Hoa còn góp phần vào quá trình định hình bộ mặt đô thị thương mại Hội An.

Hình thành muộn hơn Phố Hiến ở Đàng Ngoài và Hội An ở Đàng Trong, Sài Gòn – đô thị ở phía Nam của Việt Nam – cũng là một trung tâm thương mại sầm uất mà ở đó người Hoa cũng đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động buôn bán. Sài Gòn là một đô thị thương nghiệp với vô số chợ lớn nhỏ: chợ Bến Nghé, chợ Cây Đa Vòm, chợ Bến Thành, chợ Tân Kiểng, chợ Quán, chợ Nguyễn Thục, chợ Bình An... Khu phố Chợ Lớn là trung điểm của mọi hoạt động buôn bán mà người Hoa là lực lượng chủ lực. Sau khi bị quân Tây Sơn phá hủy khu trung tâm thương mại Cù Lao Phố (Biên Hoà), thương gia người Hoa đã chạy xuống khu vực Tây Cống (Chợ Lớn ngày nay) năm 1778. Họ tụ hội tại đây và hình thành nên một phố chợ để tiếp tục hoạt động buôn bán (gọi là Bazar Chinois – chợ người Hoa). Trước khi hình thành Bazar Chinois, ở đây đã có khu phố thị của người Việt. Tuy chợ của người Hoa xây sau nhưng lại bề thế hơn nên gọi là Chợ Lớn (sau này thương gia người Hoa là Quách Đàm tiếp tục lập ra Chợ Lớn mới, nay là chợ Bình Tây). Chợ Lớn trên thực tế là khu vực tiếp nhận sự di dời của cả một cảng thị lớn của vùng Nam Bộ ở Cù Lao Phố (Biên Hoà) nên tuy mới hình thành nhưng nó đã thừa kế được tiềm năng hoạt động buôn bán của khu vực cũ, các thương gia người Hoa chỉ chuyển đổi hình thức hoạt động từ thu mua lâm sản sang dịch vụ xay xát, xuất khẩu lúa gạo và cung cấp nhu yếu phẩm cho vùng đồng bằng sông Cửu Long đang trong thời kỳ phát triển. Dưới thời nhà Nguyễn, đặc biệt là dưới sự cai quản của Lê Văn Duyệt, do chính sách mở rộng giao lưu và khuyến khích tiếp nhận tàu buôn nước ngoài đến buôn bán làm ăn ở khu vực Sài Gòn – Chợ Lớn, người Hoa có điều kiện phát huy khả năng hoạt động xuất nhập khẩu lúa gạo và vai trò môi giới của mình. Dưới thời Lê Văn Duyệt, Chợ Lớn đã trở thành một trung tâm giao dịch sôi động và là thời kỳ làm ăn thịnh vượng của người Hoa. Vì thế, cho đến tận bây giờ, người Hoa ở khu vực Sài Gòn – Chợ Lớn vẫn xem họ Lê như một vị thần tài của Sài Gòn³.

Như vậy, trước khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, người Hoa đã đóng vai trò quan trọng trong hoạt động thương nghiệp. Vai trò này có điều kiện phát huy sau khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX, nhất là qua hai cuộc khai thác thuộc địa vào đầu thế kỷ XX. Công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã ảnh hưởng sâu sắc đến sự chuyển biến kinh tế của Việt Nam. Nó tạo điều kiện hình thành mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa, thúc đẩy quá trình hoạt động buôn bán của người bản xứ, đặc biệt là người Hoa, trong đó tư bản thương mại người Hoa chiếm vị trí quan trọng, chiếm 62% trong tổng số vốn thương mại, còn tư bản Pháp chỉ chiếm 38%. Nếu trong tổng số vốn tư bản thuộc địa ở Việt Nam là 224 triệu phrăng thì tư bản Pháp và tư bản người Hoa đã chiếm tới 222 triệu phrăng, còn tư bản người Việt và người các nước khác chỉ có 2 triệu phrăng, chiếm 0,5%⁴. Một mặt, nhờ tính đa dạng về nghề nghiệp, tính tổ chức chặt chẽ, tính tương đồng về ngôn ngữ trong quá trình thiết lập hệ thống kinh doanh, người Hoa có lợi thế trong nắm bắt thị trường; mặt khác, lại được chính quyền Mãn Thanh và chính

quyền thuộc địa Pháp có chính sách ưu ái như việc chính quyền Mãn Thanh thi hành chính sách bất bình đẳng trong hoạt động thương mại với Việt Nam: cấm người Việt vào sâu trong nội địa của Trung Quốc để buôn bán, kể cả đường bộ lẫn đường thủy, trong khi đó người Hoa vẫn được phép vượt biên giới mỗi tháng 6 lần sang Trung Quốc để mua bán lúa gạo. Biện pháp này đã giúp người Hoa làm chủ thị trường Việt Nam, cho đến khi hàng hoá phương Tây tràn ngập thị trường này, sự độc quyền của người Hoa không còn nữa. Họ phải tiến hành cạnh tranh quyết liệt với các lực lượng tư bản nước ngoài. Nhưng chính sự cạnh tranh này đã giúp họ năng động hơn trong khi lựa chọn ngành nghề hoạt động. Lợi dụng ưu thế về ngôn ngữ, vừa biết tiếng Việt vừa có tiếng Hoa, họ nhanh chóng thiết lập mạng lưới kinh doanh của mình trong hệ thống buôn bán lúa gạo ở vùng đồng bằng Nam Bộ và khu vực Sài Gòn – Chợ Lớn. Những thương gia Hoa cũng như những mạng lưới của họ ở khu vực Sài Gòn – Chợ Lớn đã thực sự mang lại quyền lợi cho tư bản Pháp trong việc tiến hành thu mua và xuất khẩu lúa gạo ở “vựa thóc Nam Kỳ”. Như vậy, trước khi ngành công nghiệp thực sự đưa lại sự giàu có cho Đông Dương, ngành xuất khẩu (chủ yếu là xuất khẩu lúa gạo và sắt thép) là ngành tiêu biểu cho sự giàu có của cả khu vực này. Ngành thương mại nói chung và ngành xuất khẩu nói riêng chủ yếu nằm trong tay thương nhân Hoa⁵.

So với tư sản người Việt, tư sản người Hoa là chỗ dựa xã hội đáng tin cậy của người Pháp ở Đông Dương, vì dù sao tư sản người Việt còn có tinh thần dân tộc, cơ sở kinh tế lại quá bé nhỏ nên không đủ sức đảm nhiệm vai trò môi giới chuyển giao hàng hoá giữa ngoại quốc và nội địa, mà chỉ có “Hoa kiều là những người duy nhất có đủ sức mua và có đủ tư cách mua những hàng hoá của Pháp để dùng ở khu vực thành thị, họ trở thành những người trung gian tuyệt vời giữa người ngoại quốc và người bản xứ. Tất cả những đặc điểm đó đã làm cho người Pháp kiêng nể họ. Các vị Toàn quyền Pháp ở Đông Dương đã thừa nhận vai trò, vị trí của người Hoa. Không bao giờ thấy Hội đồng dân biểu Đông Dương đòi hỏi chính quyền phải có những biện pháp hạn chế đối với họ, không những thế, trong phiên họp ngày 3 – 8 – 1900, Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ còn ra quyết nghị miễn cho người Hoa nộp khoản tiền đăng bạ năm đầu khi họ mới đến”⁶.

Tuy đã dành cho người Hoa phần ưu ái như vậy, nhưng người Pháp không bao giờ quên rằng họ phải chiếm độc quyền trong hoạt động thương mại ở Việt Nam. Để có thể chiếm được vị trí độc quyền trong hoạt động thương mại, người Pháp đã lập ra Ngân hàng Đông Dương (Banque de L’Indochine) năm 1873 trên cơ sở hợp nhất các tổ chức tài chính: “Chiết khấu ngân hàng quốc gia” (Comptoir national d’Escompte), Ngân hàng Kỹ nghệ và thương mại (Crédit Industriel et Commercial), Ngân hàng Paris và Hà Lan (Banque de Paris et des Pays – Bas), và Tổng công ty (Société générale). Từ đó Ngân hàng Đông Dương trở thành trung tâm phát hành giấy bạc và trở thành một bộ phận chủ chốt của hệ thống khai thác thuộc địa. Trong điều kiện như vậy, các nhà buôn người Hoa lập ra các tổ chức tài

chính của mình để tham gia cạnh tranh với tư bản độc quyền Pháp. Ngân hàng Pháp – Hoa đã được thành lập bên cạnh các ngân hàng Đức, Anh⁷. Tuy nhiên, hệ thống tài chính non trẻ của người Hoa không thể cạnh tranh được với các tổ chức tài chính dày dặn kinh nghiệm của tư bản Pháp và tư bản người Âu khác. Các thương gia người Hoa ở Sài Gòn thành lập Phòng Thương mại trên cơ sở các tổ chức tín dụng của người Hoa. Đây là một tổ chức tài chính khá chặt chẽ theo hệ thống khép kín có khả năng điều hoà giá cả trên thị trường và điều khiển những hoạt động buôn bán của người Hoa ở Việt Nam. Nhờ hệ thống tài chính này, người Hoa đã vượt qua được cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1919 – 1923 và 1929 – 1933 để cạnh tranh với các thế lực tư bản nước ngoài ở Việt Nam và tiếp tục đứng vững trên nhiều lĩnh vực hoạt động kinh doanh. Trong các ngành tư bản khác, vốn của tư bản người Hoa cũng khá lớn, chiếm 24% trong tổng số vốn của tư bản thuộc địa, chỉ đứng sau tư bản Pháp. Không chỉ ở Sài Gòn – Chợ Lớn và trong ngành xay xát lúa gạo, ngay trong nhiều ngành công nghiệp nhẹ ở Hải Phòng, Hà Nội, người Hoa cũng nắm trong tay nhiều xí nghiệp vừa và nhỏ. Năm 1939, ở Hải Phòng có 70 xí nghiệp, người Hoa chiếm 24, người Pháp 38, và người Việt chỉ có 6. Hầu hết các xí nghiệp của người Hoa thuộc loại vừa và nhỏ nên số vốn đầu tư của họ không lớn. Năm 1943, vốn đầu tư của người Hoa ở Đông Dương chỉ có 82 triệu phrăng, chiếm 20%, trong khi đó, tổng số vốn đầu tư tư bản nước ngoài là 4 tỷ phrăng⁸.

Nói tóm lại, người Hoa đã xuất hiện trong xã hội Việt Nam từ khá sớm và cùng đồng hành với lịch sử Việt Nam qua các thời kỳ. Từ khi nền kinh tế hàng hoá Việt Nam mới hình thành trong các thế kỷ XVI, XVII, XVIII và phát triển trong thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Ở thời điểm nào hình ảnh và vai trò, vị trí kinh tế của người Hoa cũng khá nổi bật. Từ vai trò môi giới, trung gian trong giao dịch hàng hoá đến làm chủ các hãng buôn xí nghiệp, người Hoa đã thể hiện khá thành công những đặc tính kinh doanh của mình. Đó là cách thức vận dụng các mối quan hệ họ hàng, sự tương đồng về văn hoá, ngôn ngữ để thiết lập một hệ thống kinh doanh khép kín. Họ đặc biệt tôn trọng và tận dụng chữ “tín” để giải quyết các hợp đồng nóng khi thời cơ đến, khả năng tự huy động nguồn vốn có hiệu quả qua các hình thức tín dụng gia đình là những yếu tố dẫn đến thành công của họ qua các thời kỳ lịch sử. Những yếu tố này sẽ được phát huy như thế nào trong quá trình tiếp tục khẳng định vai trò và vị trí của người Hoa trong nền kinh tế đổi mới của Việt Nam cũng như trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế hiện nay, chúng ta sẽ tiếp tục thảo luận trong một dịp khác.

CHÚ THÍCH

- ¹ Phan Huy Lê – Chu Thiên – Vương Hoàng Tuyên – Đinh Xuân Lâm, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1960, tr.165.
- ² Lê Quý Đôn, *Phủ Biên tạp lục*, Hà Nội, 1964, tr.105
- ³ Sơn Nam, “Người Hoa”, tạp chí *Xưa & nay*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 1998, tr.155.
- ⁴ Đào Trinh Nhất, *Thế lực Khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ*, Hà Nội, 1924, tr.20.
- ⁵ Pierre, Richard Ferey, *Le Viet Nam au XXe siècle*, Presses Universitaires de France, Paris, 1979, tr.45.
- ⁶ Pierre, Richard Ferey, *Le Viet Nam au XXe siècle*, sđd, tr.45.
- ⁷ Pierre, Richard Ferey, *Le Viet Nam au XXe siècle*, sđd, tr.48 – 49.
- ⁸ Ngô Văn Hoà – Dương Kinh Quốc, *Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978, tr.197.